

Số: 1242/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 06 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc
chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 7 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 công bố thủ tục hành chính ngành Công Thương đã được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 201/TTr-SCT ngày 28 tháng 4 năm 2017 về việc đề nghị công bố thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung của ngành Công Thương thuộc chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ vào Quyết định công bố này vào Website Kiểm soát thủ tục hành chính Kiên Giang tại địa chỉ: <http://ksthc.kiengiang.gov.vn> tải danh mục và nội dung chi tiết từng thủ tục hành chính để thực hiện niêm yết công khai đúng theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã,



thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn cùng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC- Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (2b);
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Đăng Công báo;
- Đăng Website Kiên Giang;
- LĐVP, P. NCPC;
- Lưu: VT, SCT, ntttrng.



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

PHẦN 1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung		
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Kiên Giang Phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
2	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trường hợp bị mất thất lạc hoặc bị hỏng) đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Kiên Giang

Số: 1242/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 06 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc
chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 7 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 công bố thủ tục hành chính ngành Công Thương đã được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 201/TTr-SCT ngày 28 tháng 4 năm 2017 về việc đề nghị công bố thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung của ngành Công Thương thuộc chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ vào Quyết định công bố này vào Website Kiểm soát thủ tục hành chính Kiên Giang tại địa chỉ: <http://ksthc.kien Giang.gov.vn> tải danh mục và nội dung chi tiết từng thủ tục hành chính để thực hiện niêm yết công khai đúng theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã,

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

PHẦN 1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung		
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Kiên Giang Phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
2	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trường hợp bị mất thất lạc hoặc bị hỏng) đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Kiên Giang

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KIÊN GIANG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

*** Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ

a) Trình tự thực hiện:

- Các cơ sở sản xuất sản phẩm thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương đăng ký hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm với UBND cấp huyện và tổ chức thực hiện (sau đây gọi là Cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

- Các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trực tiếp hoặc theo đường bưu điện tới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện tiếp nhận, thẩm định hồ sơ.

- Trình tự cấp Giấy chứng nhận:

+ Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, UBND cấp huyện phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận có quyền hủy hồ sơ.

+ Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở

Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND cấp huyện tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Trường hợp UBND cấp huyện ủy quyền thẩm định thực tế tại cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền cấp dưới (*phòng Kinh tế hoặc Kinh tế & hạ tầng*) phải có văn bản ủy quyền. Sau khi thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải gửi kết quả thẩm định về cho UBND cấp huyện để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận; Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở do UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định (*phòng Kinh tế hoặc Kinh tế & hạ tầng*) ban hành quyết định thành lập. Đoàn thẩm định gồm từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, trong đó phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên làm công tác chuyên môn hoặc quản lý về an toàn thực phẩm (đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở được mời chuyên gia độc lập có chuyên môn phù hợp tham gia). Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

+ Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở

Đối chiếu thông tin và kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi UBND cấp huyện với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở;

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

+ Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở

Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm theo Mẫu 3a quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT;

Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 (sáu mươi) ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 4 quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định lại theo quy định. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc tính từ khi UBND cấp huyện nhận được báo cáo khắc phục;

Nếu kết quả thẩm định lại vẫn “Không đạt”, UBND cấp huyện thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận;

Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 (một) bản và cơ sở giữ 01 (một) bản.

+ Cấp Giấy chứng nhận

Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở theo Mẫu 4 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

b) Cách thức thực hiện

- Nộp trực tiếp UBND cấp huyện (Tổ tiếp nhận và trả kết quả);
- Qua đường bưu điện đến UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đóng thành 01 quyển, gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 1 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất (bản sao có xác nhận của cơ sở).

d) Thời hạn giải quyết:

- 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân

- Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế & hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định: 3.000.000 đồng/lần/cơ sở

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu 1 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế”

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (trường hợp bị mất, thất lạc hoặc bị hỏng) đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ

a) Trình tự thực hiện:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, UBND cấp huyện đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.

Thủ tục, quy trình cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện như trường hợp cấp lần đầu.

- Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, UBND cấp huyện đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện

- *Nộp trực tiếp UBND cấp huyện (Tổ tiếp nhận và trả kết quả);*

- Qua đường bưu điện đến UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT.

- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

+ Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

+ Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm;

+ Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khoẻ để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.

- Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

+ Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

+ 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

+ 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

- Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất

+ 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân

- Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế & hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định: 3.000.000 đồng/lần/cơ sở

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu 3 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất theo Mẫu 2 quy định tại phụ lục kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế”

PHỤ LỤC

(kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Cơ sở sản xuất (tên giao dịch hợp pháp):.....

Địa chỉ tại:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số; ngày cấp:; Cơ quan cấp:

Ngành nghề sản xuất (tên sản phẩm xin cấp giấy chứng nhận) :.....

Công suất, doanh thu:.....

Tổng số cán bộ công nhân viên (trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)(bao gồm cả chủ cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ).

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở....

.....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ tên: đóng dấu (nếu có)

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Bản sao Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực;

- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm;

- Bản tự đánh giá Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm.

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:.....
- Chủ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại..... Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II. 1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:m². Trong đó diện tích để sản xuất:m²;

II. 2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

TT	Tên trang, thiết bị <i>(ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)</i>	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu						
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khí tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						
8.1							
...							
8.?							

II.3. Chủ cơ sở và những người trực tiếp sản xuất

1. Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):người;
2. Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:người;
3. Số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:người;
4. Số người chưa được cấp:
 - Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:người;
 - Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm:người;

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư/2015/TT-BCT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của Chủ cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu trong Bản tự đánh giá về Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên: đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên cơ sở sản xuất:.....

Chủ cơ sở sản xuất:.....

Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....

Điện thoại..... Fax.....

Mặt hàng sản xuất:.....

Công suất, doanh thu:.....

Đề nghị...(ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:...(ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp:.....; Cơ quan cấp.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

.....
.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên: đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Tên cơ quan có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương phân cấp quản lý an toàn thực phẩm)

Chứng nhận

Cơ sở:.....

Loại hình sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:⁽¹⁾

.....

Chủ cơ sở:

Địa chỉ sản xuất.....

Điện thoại:..... Fax:.....

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

Địa danh, ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Số cấp:/GCNATTPNL-
BCT

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến
ngày...../...../20.....

Ghi chú: (1): Ghi cụ thể tên thực phẩm do cơ sở đăng ký và sản xuất